

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Khái quát về dự án và gói thầu.

Mô tả tóm tắt Dự án:

- **Dự án:** Xây dựng mới 06 lộ ra Minh Xuân 1, Minh Xuân 2, Minh Xuân 3, Minh Xuân 4, Ba Huân và Ngọc Châu trạm 110/22kV Lê Minh Xuân 3.
- **Tổng mức đầu tư:** 30.738.296.432 đồng.
- **Tên chủ đầu tư:** Tổng Công ty Điện lực TP.HCM.
- **Nguồn vốn:** KHCB + Vay tín dụng.
- **Thời gian thực hiện Dự án:** Năm 2025 – 2027.
- **Địa điểm:** Xã Bình Lợi, TP.HCM.
- **Quy mô Dự án:**

Dự án: Xây dựng mới 06 lộ ra Minh Xuân 1, Minh Xuân 2, Minh Xuân 3, Minh Xuân 4, Ba Huân và Ngọc Châu trạm 110/22kV Lê Minh Xuân 3

Phần lưới trung thế ngầm:

- Kéo mới cáp ngầm trung thế đơn pha 3xM400-24kV-XLPE, mương có sẵn, chiều dài đơn tuyến 180m.
- Kéo mới cáp ngầm trung thế đơn pha 6xM400-24kV-XLPE, mương BTXM, chiều dài đơn tuyến 60m.
- Kéo mới cáp ngầm trung thế đơn pha 6xM400-24kV-XLPE, mương BTNN, chiều dài đơn tuyến 1780m.
- Kéo mới cáp ngầm trung thế đơn pha 3xM400-24kV-XLPE, mương BTNN, chiều dài đơn tuyến 668m.

Phần lưới trung thế nổi:

- Lắp LBS 24kV-630A có scada: 02 bộ.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Ban QLDA Lưới điện phân phối TP.HCM tuyển chọn Nhà thầu tư vấn đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện: Tư vấn thẩm tra BCNCKT và TKBVTC-DT dự án "Xây dựng mới 06 lộ ra Minh Xuân 1, Minh Xuân 2, Minh Xuân 3, Minh Xuân 4, Ba Huân và Ngọc Châu trạm 110/22kV Lê Minh Xuân 3".

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc, nguồn vốn, chủ đầu tư, tiến độ thực hiện:

- Tư vấn thẩm tra BCNCKT và TKBVTC-DT dự án "Xây dựng mới 06 lộ ra Minh Xuân 1, Minh Xuân 2, Minh Xuân 3, Minh Xuân 4, Ba Huân và Ngọc Châu trạm 110/22kV Lê Minh Xuân 3".
- Nguồn vốn: KHCB + Vay tín dụng.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Điện lực TP.HCM.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 20 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn và bên B nhận đủ hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra, không kể thời gian góp

ý thẩm tra của Chủ đầu tư, thời gian đơn vị tư vấn thiết kế hiệu chỉnh hồ sơ (nếu có) cũng như các trở ngại không do lỗi của Tư vấn. Trong đó:

- + Thẩm tra BCNCKT: 10 ngày
- + Thẩm tra TKBVTC-DT: 10 ngày
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
 - + Thẩm tra BCNCKT: 15 ngày
 - + Thẩm tra TKBVTC-DT: 15 ngày
- Việc ký hợp đồng được chia thành 02 giai đoạn:
 - + Giai đoạn 1: ký hợp đồng tư vấn thẩm tra BCNCKT cho dự án.
 - + Giai đoạn 2 (sau khi dự án được phê duyệt): ký hợp đồng tư vấn thẩm tra TKBVTC-DT cho dự án.

2. Nhiệm vụ cụ thể của Nhà thầu tư vấn:

a) Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án, thiết kế, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (bao gồm thẩm tra BCNCKT, TKBVTC-DT sửa đổi bổ sung, nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng 2014 đối với BCNCKT; Khoản 2 Điều 7 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 đối với TMĐT; Điều 83 Luật Xây dựng 2014 đối với TKBVTC và Điều 13 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 đối với DT; các nội dung quy định tại các mẫu báo cáo kết quả thẩm tra được quy định tại Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/7/2022 của Tập đoàn Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội dung Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối (Đính kèm Mẫu Quy trình Thẩm tra, thẩm định, Mẫu Quy trình Thẩm tra, thẩm định, phê duyệt hồ sơ BCNCKT ĐTXD, TKBVTC-DT xây dựng công trình có mã hiệu: QT.DAPP.CBDA.02, QT.DAPP.THDA.TK.03).

b) Đánh giá chi tiết, cụ thể về sự hợp lý của giải pháp thiết kế chính, bố trí công trình, kết cấu tối ưu, lựa chọn hệ số an toàn, biện pháp tổ chức xây dựng/ biện pháp thi công... trong hồ sơ dự án/ thiết kế, dự toán công trình do Tư vấn thiết kế lập. Đảm bảo yêu cầu an toàn, ổn định, kinh tế - kỹ thuật và nâng cao hiệu quả đầu tư dự án/ công trình.

c) Các ý kiến đánh giá thẩm tra phải có luận cứ chặt chẽ, rõ ràng. Các nhận xét phải có cả định tính và định lượng. Đối với các giải pháp chính phải có tính toán cụ thể, độc lập để đối chứng, so sánh với giá trị tính toán của tư vấn lập dự án/thiết kế công trình, cụ thể các nội dung bắt buộc phải tính toán đối chứng (bảng tính phải có chữ ký của người lập, người kiểm tra, người chủ trì thẩm tra, và đại diện tổ chức thẩm tra và đóng dấu pháp nhân theo quy định), bao gồm:

- Kết cấu chịu lực của các trụ néo, trụ dừng, trụ đặt thiết bị.
- Kết cấu chịu lực của các nhà điều hành trạm, nhà đặt thiết bị, móng thiết bị.
- Tính toán ngắn mạch.
- Các nội dung thay đổi so với bước thiết trước đã được phê duyệt.
- Các trường hợp điều chỉnh thiết kế do có sự thay đổi về: địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình.

- Vượt suất đầu tư, định mức do EVN hoặc các cơ quan có thẩm quyền ban hành.
- Xem xét, đánh giá tính khả thi của phương án cắt điện thi công hoặc sử dụng công nghệ thi công không mất điện.
- Xem xét, đánh giá tính khả thi của phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư (trường hợp dự án có thực hiện bồi thường hỗ trợ tái định cư).
- Các trường hợp đặc thù khác theo từng loại dự án do đơn vị quy định nếu cần thiết.

d) Có phương án kiến nghị, đề xuất cụ thể để đơn vị tư vấn thiết kế hoàn thiện hồ sơ dự án.

e) Đơn vị tư vấn thẩm tra phải có đầy đủ các phần mềm tính toán liên quan để thực hiện tính toán đối chứng độc lập.

f) Đơn vị tư vấn thẩm tra phần giải pháp tính toán, kế hoạch triển khai đối với công tác thiết kế viễn thông.

g) Triển khai và áp dụng Module thẩm tra dự án đầu tư điện tử - phần mềm IMIS: Yêu cầu Đơn vị Tư vấn thẩm tra phân công nhân sự sử dụng phần mềm theo đúng vị trí, thẩm quyền công việc được giao. Khi trình/nộp hồ sơ báo cáo thẩm tra phải đầy đủ các nội dung, biên chế hồ sơ theo quy định của EVN/Tổng công ty (TCT)/đơn vị. Hồ sơ báo cáo thẩm tra dự án khi Đơn vị Tư vấn thẩm tra trình/nộp bao gồm đầy đủ tài liệu gốc (định dạng file: word, excel, các bản vẽ Cad, IFC...) và định dạng file pdf (có đầy đủ chữ ký, đóng dấu của Đơn vị Tư vấn thẩm tra theo quy định hiện hành)

(Nội dung kiểm tra chi tiết đính kèm theo phụ lục 01, 02)

3. Nghĩa vụ nhà thầu :

a/ Đảm bảo rằng tất cả các công việc nhà thầu thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân sự của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

b/ Thực hiện Tư vấn thẩm tra thiết kế cơ sở dự án theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c/ Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình. Sản phẩm tư vấn phải được các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực theo qui định của pháp luật thực hiện, mang lại hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu của chủ đầu tư để hoàn thành Dự án. Nhà thầu sẽ luôn luôn ủng hộ, bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư.

d/ Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

đ/ Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

e/ Nhà thầu sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn.

f/ Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

g/ Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

h/ Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

i/ Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho chủ đầu tư phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được chủ đầu tư nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của chủ đầu tư.

j/ Nhà thầu không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của chủ đầu tư khi chưa được chủ đầu tư đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

k/ Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với chủ đầu tư.

l/ Nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng với nhà thầu phụ (nếu có) với đầy đủ Phụ lục công việc giao cho nhà thầu phụ theo đúng qui định của pháp luật hiện hành; Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng các công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

m/ Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

n/ Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng:

Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của mình, nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của nhà thầu theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho nhà thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn được quy định trong Hợp đồng này.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu để hoàn thành công việc tư vấn theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này, nhà thầu đều phải chịu trách nhiệm.

o) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư trong khoảng thời gian 5 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này nhà thầu không có ý kiến thì coi như nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư

p) Yêu cầu nhà thầu phải chịu trách nhiệm số hóa (scan) toàn bộ hồ sơ sản phẩm được duyệt; hồ sơ nghiệm thu,... lưu trữ dạng file .pdf và hoặc file ảnh,... bàn giao cho chủ đầu tư cùng với hồ sơ giấy ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.

* Ngoài ra nhà thầu đảm bảo các trách nhiệm trong quá trình triển khai công tác, cụ thể:

- Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.
- Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- Có trách nhiệm cung cấp cho Chủ đầu tư sản phẩm của Tư vấn thẩm tra đầy đủ để phục vụ công tác thẩm định phê duyệt. Đặc biệt nhà thầu phải cung cấp file mềm để kiểm tra kết quả tính toán, kiểm tra nội hàm, đường link, công thức tính toán để Chủ đầu tư kiểm tra tính xác thực, kết quả tính toán của đơn vị thẩm tra.
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
- Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng: Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của mình, nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề để thực hiện hợp đồng. Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu để hoàn thành công việc tư vấn theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng, nhà thầu đều phải chịu trách nhiệm.
- Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư trong khoảng thời gian 5 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này nhà thầu không có ý kiến thì coi như nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư
- Nhà thầu chỉ được nhận hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra thông qua chủ đầu tư (Ban ALDPP) và phản hồi, báo cáo chủ đầu tư các nội dung tồn tại của tư vấn thiết kế để yêu cầu hiệu chỉnh. Đơn vị tư vấn thẩm tra không được nhận hồ sơ hay làm việc trực tiếp với đơn vị tư vấn thiết kế của chủ đầu tư

4. Thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: ngay sau khi nhà thầu nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm Tư vấn thẩm tra:

a/ Yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn thẩm tra BCNCKT, thiết kế xây dựng:

- Chất lượng sản phẩm Tư vấn thẩm tra BCNCKT, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán phải phù hợp với quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 và các quy định có liên quan do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b/ Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng gồm:

- Báo cáo kết quả thẩm tra: 10 bộ
- Sau khi nhà thầu thực hiện thẩm tra xong, nhà thầu chuyển cho chủ đầu tư 03 bộ để kiểm tra. Khi hai bên đã thống nhất hoàn toàn về mặt nội dung và khối lượng công việc trong báo cáo thẩm tra, lúc đó nhà thầu sẽ chuyển cho chủ đầu tư đầy đủ là 10 bộ.

III. Năng lực, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Phải đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật – Chương III của HSMT.

- Ngoài ra trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, nếu có nghi ngờ Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các bản chính để đối chiếu cũng như yêu cầu xác nhận của cơ quan liên quan có thẩm quyền.

IV. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Tổ chức kiểm tra, soát xét các nội dung công tác thẩm tra của tư vấn đáp ứng yêu cầu thẩm tra. Hồ sơ phải được hoàn chỉnh, đủ điều kiện trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án/thiết kế, dự toán công trình.
- Xử phạt Tư vấn thẩm tra nếu hồ sơ tư vấn thiết kế sau thẩm tra đã cập nhật đầy đủ ý kiến thẩm tra nhưng khi thẩm định vẫn phát hiện nhiều sai sót, phải hiệu chỉnh, bổ sung nhiều lần. Kết quả thực hiện của Tư vấn thẩm tra được đối chiếu với các nội dung được phê duyệt làm cơ sở để nghiệm thu, đánh giá chất lượng và nghiệm thu, thanh toán chi phí thẩm tra (cần quy định rõ trong Hợp đồng thuê Tư vấn thẩm tra).

V. Bổ sung hướng dẫn phạt vi phạm hợp đồng, mức bồi thường, chấm dứt HĐ do lỗi nhà thầu:

1. Phạt vi phạm hợp đồng (đối với tư vấn thẩm tra):

a. Các nội dung vi phạm như sau:

- + Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ.
 - + Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan...).
 - + Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng.
 - + Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí.
 - + Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD...).
 - + Xác định TMĐT/ĐTXD/dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn $\pm 10\%$ so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt.
- * Các nội dung vi phạm khác:*
- + Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh hoặc Các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, Hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị bên mời thầu làm rõ.
 - + Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (làm ảnh hưởng đến: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống, ...).
 - + Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự.
 - + Nhà thầu không tham dự hợp (do Chủ đầu tư hoặc cơ quan liên quan mời) hoặc không cử đúng thành phần tham dự theo văn bản mời hợp của Chủ đầu tư hoặc không

gửi Báo cáo tiến độ thực hiện cho Chủ đầu tư mà không có lý do chính đáng, nhà thầu chậm trễ hoặc không cử đúng thành phần nhân sự chủ chốt theo chức danh phân công trong hợp đồng khi làm việc với chủ đầu tư hoặc các bên liên quan về các nội dung chuyên môn của hồ sơ khảo sát, thỏa thuận tuyển, thiết kế,...

+ Đối với các vi phạm khác: áp dụng theo chương X – Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM.

b. Mức phạt vi phạm hợp đồng như sau:

- Phạt hợp đồng do chậm tiến độ được tính = tỉ lệ % x giá trị hạng mục công việc bị vi phạm: vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm thời hạn thực hiện cho 02 ngày lịch đầu tiên; phạt thêm từ 0,5% cho mỗi ngày tiếp theo cho đến mức tổng số các lần phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm; nếu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng đã ký mà nguyên nhân là do Bên B gây nên thì bị phạt đến mức 12% giá trị hợp đồng.

- Phạt hợp đồng do không đảm bảo chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 % và xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Nhà thầu không tham dự họp (do Chủ đầu tư hoặc cơ quan liên quan mời) hoặc không cử đúng thành phần tham dự theo văn bản mời họp của Chủ đầu tư hoặc không gửi Báo cáo tiến độ thực hiện cho Chủ đầu tư mà không có lý do chính đáng, nhà thầu chậm trễ hoặc không cử đúng thành phần nhân sự chủ chốt theo chức danh phân công trong hợp đồng khi làm việc với chủ đầu tư hoặc các bên liên quan về các nội dung chuyên môn của hồ sơ khảo sát, thỏa thuận tuyển, thiết kế,..... thì Chủ đầu tư sẽ xem xét, xử phạt lần 1 cảnh cáo, nhắc nhở; lần 2 phạt đến 5 % giá trị hợp đồng; lần 3 phạt đến 7 % giá trị hợp đồng và xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Tổng mức phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm; mức phạt tối đa đến 12% sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng.

2. Nội dung bồi thường hợp đồng:

Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định như trên, bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của bên nhận thầu (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng, cụ thể mức bồi thường.

Mức bồi thường = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt do chậm đưa công trình vào sử dụng.

Trong đó:

- Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả hư hỏng, sự cố, do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai qui chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,...) (***trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này***)

- Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.

3. Nội dung chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:

- Bên nhận thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của bên giao thầu;

- Bên nhận thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc 56 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được cho phép của bên giao thầu.

- Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; hoặc

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra thực tế địa chỉ trụ sở chính hoặc văn phòng điều hành của nhà thầu tại TP. Hồ Chí Minh theo thông tin đã cung cấp trong hồ sơ dự thầu/hợp đồng. Trường hợp phát hiện địa điểm này không có hoạt động thực tế phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu theo Hợp đồng mà nhà thầu vẫn không có biện pháp sửa chữa sai sót hoặc tiến hành khắc phục hoặc phối hợp với Chủ đầu tư khắc phục sai sót, chậm trễ đó; hoặc

- Bị phạt đến 12% giá trị hợp đồng; hoặc

- Tư vấn tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

VI. Bổ sung điều khoản thanh toán, tạm ứng, điều chỉnh hợp đồng :

✚ Số tiền Bên A thanh toán cho Bên B bằng đúng giá trị ghi trong hợp đồng.

✚ Giá trị Hợp đồng trên có thể điều chỉnh trong các trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng qui định theo Luật đấu thầu.

✚ Tạm ứng: Không tạm ứng

✚ Thanh toán

a/ Thanh toán Hợp đồng:

- Sau khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hai bên A-B đã ký Bản xác định kinh phí thanh toán, bên B cung cấp cho bên A:

- Hóa đơn do Bộ tài chính cho phép phát hành;

- Giấy đề nghị thanh toán;

Trong vòng 60 ngày bên A phải thanh toán cho bên B 100% giá trị chi phí Tư vấn thẩm tra thiết kế dự án.

b/ Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

c/ Đồng tiền áp dụng để thanh toán: tiền Việt Nam.

Điều chỉnh đơn giá hợp đồng được quy định như sau:

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc đã thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho các khối lượng này để thanh toán. Đơn giá cho phần phát sinh này được hai bên thương thảo thống nhất đảm bảo không vượt đơn

giá dự toán phát sinh được duyệt, áp dụng tỷ lệ chiết giảm theo giá trúng thầu và quy định tối ưu hóa chi phí hiện hành.

- Trường hợp khối lượng thực tế thực hiện tăng hoặc giảm nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán.

*****Lưu ý : Nhà thầu gửi kèm bảng phân tích công chuyên gia theo từng dự án khi mở E-HSDXKT**

Stt	Họ và tên	Chức danh bố trí trong gói thầu	Địa điểm làm việc	Thù lao/ ngày - người	Số công (Số ngày - người)	
					Thẩm tra BCNCKT	Thẩm tra TKBVTC-DT
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm thẩm tra thiết kế xây dựng (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công)	[Công ty]			
			[Thực địa]			
2						

Lưu ý:

- Nhà thầu tạm thời áp dụng mức thuế GTGT 10% để chào thầu và là cơ sở thống nhất đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo, ký kết hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ căn cứ thực tế thực hiện, các khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ nào thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT theo 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 (NĐ174) thì sẽ áp dụng theo đúng mức thuế GTGT theo quy định của NĐ174. Theo đó hai bên sẽ thương thảo, ký kết Phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức thuế GTGT cho nhóm hàng hóa, dịch vụ này, làm cơ sở xuất hóa đơn và thanh quyết toán theo đúng quy định.

Phụ lục 1: NỘI DUNG KIỂM TRA BCNCKT

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
1	Hồ sơ pháp lý và cơ sở lập đề án:			
	<i>gồm các hồ sơ pháp lý chủ yếu sau đây:</i>			
	- Các văn bản, quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng liên quan đến khu vực xây dựng dự án.			
	- Văn bản thỏa thuận vị trí trạm, hướng tuyến đường dây của UBND tỉnh/ thành phố hoặc của cơ quan có thẩm quyền, văn bản tham vấn cộng đồng đối với các vị trí đặt trên vỉa hè theo quy định của địa phương.			
	- Thỏa thuận đường dây đi trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông với cơ quan có thẩm quyền (nếu có)			
	- Thỏa thuận vị trí đấu nối; ngăn lộ xuất tuyến (nếu có); giải pháp kỹ thuật cải tạo, mở rộng chính (đối với dự án cải tạo mở rộng); cấp nguồn điện dự phòng cho TBA ... với đơn vị Quản lý vận hành			
	- Thỏa thuận sơ đồ tổ chức thông tin, kênh truyền, datalist cho hệ thống SCADA ... với đơn vị điều độ/ Quản lý vận hành			
	- Xác nhận về số liệu điều tra, thu thập số liệu về lưới điện hiện trạng (như số liệu phụ tải, tổn thất, thông số kỹ thuật vận hành lưới điện hiện có...) với đơn vị Quản lý vận hành			
	- Biên bản họp với đơn vị Quản lý vận hành, điều độ về phương án thi công cắt điện			
	- Biên bản nghiệm thu khảo sát của đơn vị QLDA và tư vấn			
	- Kết quả thẩm tra của tư vấn thẩm tra (đối với các dự án thuê tư vấn thẩm tra), đặc biệt là các bảng tính độc lập để đối chứng theo quy định tại Điều 6.			
	- Văn bản xác nhận nguồn vốn thực hiện dự án			
	- Các văn bản khác theo đặc thù của từng dự án			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
2	Nội dung, thành phần, biên chế đề án (theo các quy định hiện hành của nhà nước và Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của EVN và 2572/QĐ-EVNHCMC ngày 30/05/2025 của EVNHCMC)			Việc biên chế có đầy đủ hay không
3	Sự phù hợp về quy hoạch phát triển điện lực tỉnh đã phê duyệt; quy hoạch xây dựng, quy hoạch kinh tế - xã hội dựa trên cơ sở các văn bản, tài liệu quy hoạch của ngành và của địa phương (nếu có)			Có trong quy hoạch của tỉnh hay không
4	Sự phù hợp của phương án công nghệ, quy mô, công suất:			
a	Về sự cần thiết phải đầu tư:			Có đầy đủ các số liệu hay không có các số liệu
	- Lưới điện hiện trạng: Mô tả tình trạng lưới điện hiện trạng, các số liệu vận hành (tổn thất điện áp, tổn thất công suất, tổng thất điện năng), khả năng mang tải, khả năng đáp ứng trong tương lai.			
	- Nhu cầu phụ tải: cân đối công suất nguồn và tải, dự báo phụ tải.			
	- Việc làm rõ sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu, hiệu quả mang lại của dự án.			
b	Về lựa chọn phương án công nghệ, quy mô, công suất:			
	- Phải có đề xuất ít nhất 2 phương án đầu tư để so sánh lựa chọn (trong trường hợp ngoại lệ chỉ có một phương án thì phải có giải trình cụ thể).			
	- Tính toán trào lưu công suất phải cập nhật quy hoạch phát triển điện lực và kế hoạch đầu tư của PC/TCT/EVN...			
	- Tính toán cân bằng công suất			
	- Phương án đầu tư về quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật (khả năng mang tải, tổn thất điện áp, tổn thất công suất...) và vị trí xây dựng phải phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (dự báo phụ tải), quy hoạch đô thị của địa phương và phạm vi nguồn vốn.			Có phù hợp với các thỏa thuận hay không

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
5	Sự phù hợp của thiết kế trong dự án: tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với công trình; thể hiện được các thông số hình học, kỹ thuật chủ yếu; đảm bảo đủ điều kiện lập TMDT.			Có đầy đủ các bản vẽ, số liệu giữa bản vẽ có đầy đủ hay không.
a	Phù hợp với phương án tuyến và nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt			
b	Phù hợp với thiết kế chuẩn của EVN ban hành tại Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của EVN và 2572/QĐ-EVNHCMC ngày 30/05/2025 của EVNHCMC và các quy định hiện hành của các Tổng công ty			
c	Có đầy đủ các bản vẽ và thông số kỹ thuật :			
c.1	Đường dây:			
	- Có bản vẽ tổng mặt bằng, sơ đồ nối điện khu vực hiện trạng, sơ đồ nối điện khu vực sau khi có dự án (đối với tuyến đi trong đô thị phải có bản vẽ mặt bằng riêng biệt)			
	- Có bản vẽ sơ đồ cột đầu nối, đảo pha ...;			
	- Có bản vẽ mặt cắt dọc (đối với tuyến đi trong đô thị thì không cần)			
	- Có bản vẽ mặt cắt ngang bố trí cột đối với tuyến đi trong đô thị, trong hành lang đường bộ, ...			
	- Có bản vẽ mặt cắt giao chéo/vượt với các đường dây điện, thông tin liên lạc hiện có, vượt đường giao thông, vượt sông ...			
	- Có bản vẽ chi tiết xử lý các công trình đặc biệt như: giao chéo/vượt với các đường dây điện, thông tin liên lạc hiện có; sông; núi; đầm lầy; chướng ngại vật; kè móng; ...			
	- Có bản vẽ chi tiết sơ đồ cột, sơ đồ móng, tiếp địa, số thứ tự, thứ tự pha ...			
c.2	Trạm biến áp:			
	- Có bản vẽ mặt bằng vị trí trạm và đầu nối (có thể hiện các tuyến đường dây vào/ra, có dự kiến cho tương lai)			
	- Có bản vẽ sơ đồ lưới điện khu vực (thể hiện trước và sau dự án)			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
	- Có bản vẽ nhất thứ: sơ đồ nối điện chính; mặt bằng, mặt cắt bố trí thiết bị; nối đất chống sét, chiếu sáng, camera ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ nhị thứ: sơ đồ phương thức bảo vệ và đo lường; sơ đồ nguyên lý hệ thống điều khiển, tự dùng AD&DC, đo đếm, bố trí tủ bảng trong NĐK ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ hệ thống thông tin liên lạc: hệ thống viễn thông hiện hữu, đầu nối cáp quang, các tuyến kênh thông tin, cấp nguồn, nối đất, ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ SCADA: nguyên lý kết nối RTU, EIDs, HMI; cấp nguồn, tiếp đất, chống sét cho hệ thống RTU, HMI; danh sách dữ liệu datalist ...;			
	- Có bản vẽ phân xây dựng: tổng mặt bằng, mặt bằng san nền, mặt bằng xây dựng, trụ công, móng thiết bị, mương cáp ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có thiết kế PCCC: mặt bằng bố trí thiết bị PCCC ngoài trời, trong nhà; sơ đồ nguyên lý hệ thống báo cháy; bố trí nhà bơm (nếu có); sơ đồ bố trí giàn phun sơn (nếu có) ...			
	- Có thể hiện đầy đủ khối lượng công tác xây lắp, vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị ... phục vụ lập TMĐT			
d	Có đầy đủ các phụ lục tính toán			
6	Tình hình sử dụng đất đai, tài nguyên môi trường, kế hoạch tái định cư (nếu có), ảnh hưởng đến môi trường, các vấn đề xã hội.			Có hay không có
7	Sự phù hợp của TMĐT với quy mô dự án: gồm các nội dung chính sau đây:			Có phù hợp hay không
	- Việc tính tiên lượng trên cơ sở quy mô và giải pháp kỹ thuật.			
	- Việc cập nhật tiên lượng theo thiết kế vào TMĐT.			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
	- Việc áp dụng hợp lý các đơn giá VTTB, đơn giá, định mức và chế định chính sách hiện hành trong việc lập TMĐT.			
	- Sự phù hợp của TMĐT so với phạm vi nguồn vốn cho phép (nếu dự án có yêu cầu phạm vi nguồn vốn).			
	- Có phân tích, so sánh với suất vốn đầu tư do EVN ban hành, giải trình tăng/giảm			
8	Phân tích kinh tế tài chính: Kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng phương pháp tính, các thông số đầu vào, đầu ra, ...			
9	Sự phù hợp của báo cáo khảo sát theo nhiệm vụ khảo sát được duyệt, nội dung khảo sát theo quy định hiện hành			Phù hợp hay không phù hợp
10	Sự đầy đủ của các bảng thống kê: diện tích chiếm đất, diện tích từng loại đất công trình chiếm chỗ, từng địa phương tuyến đi qua, nhà cửa, cây cối trong hành lang tuyến, giao chéo/vượt đường giao thông, giao chéo/vượt đường dây điện hiện có ...			Có đầy đủ số liệu hay không

Phụ lục 02: NỘI DUNG KIỂM TRA TKBVTC-DT

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
1	Hồ sơ pháp lý và cơ sở lập đề án:			
	- Bổ sung các văn bản pháp lý còn thiếu ở giai đoạn lập BCNCKT			
	- Biên bản xác nhận biện pháp tổ chức xây dựng có tham gia đơn vị QLDA, tư vấn, chủ đầu tư (nếu có) (giai đoạn lập TK)			
	- Văn bản thỏa thuận bố trí cột trên mặt cắt ngang đường với cơ quan có thẩm quyền (đối với các tuyến đường dây đi dọc đường giao thông)			
	- Biên bản họp với đơn vị Quản lý vận hành, điều độ về phương án thi công cắt điện			
	- Biên bản nghiệm thu khảo sát của đơn vị QLDA và tư vấn (nếu giai đoạn lập TK có khảo sát) hoặc sử dụng số liệu khảo sát tại giai đoạn lập BCNCKT			
	- Kết quả thẩm tra của tư vấn thẩm tra (đối với các dự án thuê tư vấn thẩm tra), đặc biệt là các bảng tính độc lập để đối chứng theo quy định tại Điều 6.			
	- Các văn bản khác theo đặc thù của từng dự án			
2	Nội dung, thành phần, biên chế đề án (theo các quy định hiện hành của nhà nước và Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của EVN và 2572/QĐ-EVNHCMC ngày 30/05/2025 của EVNHCMC)			Việc biên chế có đầy đủ hay không
3	Sự phù hợp với BCNCKT đã được phê duyệt			
	Kiểm tra sự phù hợp của thiết kế so với BCNCKT được duyệt; có so sánh, giải trình sự sai khác quy mô, giải pháp kỹ thuật (nếu có)			
4	Sự phù hợp của thiết kế trong dự án: tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với công trình; thể hiện được các thông số hình học, kỹ thuật chủ yếu; đảm bảo đủ điều kiện lập DT/TDT.			Có đầy đủ các bản vẽ, số liệu giữa bản vẽ có đầy đủ hay không.

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
a	Phù hợp với phương án tuyến và nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt			
b	Phù hợp với thiết kế chuẩn của EVN ban hành tại Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của EVN và 2572/QĐ-EVNHCMC ngày 30/05/2025 của EVNHCMC và các quy định hiện hành của các Tổng công ty			
c	Có đầy đủ các bản vẽ và thông số kỹ thuật :			
c.1	Đường dây:			
	- Có bản vẽ tổng mặt bằng, sơ đồ nối điện khu vực hiện trạng, sơ đồ nối điện khu vực sau khi có dự án (đối với tuyến đi trong đô thị phải có bản vẽ mặt bằng riêng biệt)			
	- Có bản vẽ sơ đồ cột đầu nối, đảo pha ...;			
	- Có bản vẽ mặt cắt dọc (đối với tuyến đi trong đô thị thì không cần)			
	- Có bản vẽ mặt cắt ngang bố trí cột đối với tuyến đi trong đô thị, trong hành lang đường bộ, ...			
	- Có bản vẽ mặt cắt giao chéo/vượt với các đường dây điện, thông tin liên lạc hiện có, vượt đường giao thông, vượt sông ...			
	- Có bản vẽ chi tiết xử lý các công trình đặc biệt như: giao chéo/vượt với các đường dây điện, thông tin liên lạc hiện có; sông; núi; đầm lầy; chướng ngại vật; kè móng; ...			
	- Có bản vẽ chi tiết sơ đồ cột, sơ đồ móng, tiếp địa, số thứ tự, thứ tự pha ...			
c.2	Trạm biến áp:			
	- Có bản vẽ mặt bằng vị trí trạm và đầu nối (có thể hiện các tuyến đường dây vào/ra, có dự kiến cho tương lai)			
	- Có bản vẽ sơ đồ lưới điện khu vực (thể hiện trước và sau dự án)			
	- Có bản vẽ nhất thứ: sơ đồ nối điện chính; mặt bằng, mặt cắt bố trí thiết bị; nối đất chống sét, chiếu sáng, camera ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
	- Có bản vẽ nhị thứ: sơ đồ phương thức bảo vệ và đo lường; sơ đồ nguyên lý hệ thống điều khiển, tự dùng AD&DC, đo đếm, bố trí tủ bảng trong NĐK; mặt trước tủ điều khiển - bảo vệ; sơ đồ logic điều khiển ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ hệ thống thông tin liên lạc: hệ thống viễn thông hiện hữu, đầu nối cáp quang, các tuyến kênh thông tin, cấp nguồn, nối đất, mặt bằng bố trí cáp quang trong TBA/NXT ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ SCADA: nguyên lý kết nối RTU, EIDs, HMI; cấp nguồn, tiếp đất, chống sét cho hệ thống RTU, HMI; danh sách dữ liệu datalist ...;			
	- Có bản vẽ phần xây dựng: tổng mặt bằng, mặt bằng san nền, mặt bằng xây dựng, trụ công, móng thiết bị, mương cáp ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có thể hiện đầy đủ khối lượng công tác xây lắp, vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị ... phục vụ lập DT/TDT			
d	Có đầy đủ các phụ lục tính toán			
5	Sự phù hợp của báo cáo khảo sát theo nhiệm vụ khảo sát được duyệt, nội dung khảo sát theo quy định hiện hành			Phù hợp hay không phù hợp
6	Sự đầy đủ của các bảng thống kê: diện tích chiếm đất, diện tích từng loại đất công trình chiếm chỗ, từng địa phương tuyến đi qua, nhà cửa, cây cối trong hành lang tuyến, giao chéo/vượt đường giao thông, giao chéo/vượt đường dây điện hiện có ...			Có đầy đủ số liệu hay không
7	Sự phù hợp của DT/TDT với quy mô dự án: gồm các nội dung chính sau đây:			Có phù hợp hay không
	- Việc tính tiên lượng trên cơ sở quy mô và giải pháp kỹ thuật.			
	- Việc cập nhật tiên lượng theo thiết kế vào DT/TDT.			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
	- Việc áp dụng hợp lý các đơn giá VTTB, đơn giá, định mức và chế định chính sách hiện hành trong việc lập DT/TDT.			
	- Sự phù hợp của DT/TDT so với phạm vi nguồn vốn cho phép (nếu dự án có yêu cầu phạm vi nguồn vốn).			
	- Có phân tích, so sánh với TMĐT, giải trình tăng giảm (nếu có)			
	- Có phân tích, so sánh với suất vốn đầu tư do EVN ban hành, giải trình tăng/giảm			